

VĂN BIA CHÙA TÂY THIÊN

Lược sử chùa Tây Thiên



Tổ đình Tây Thiên.

Chùa Tây Thiên tọa lạc trên một vùng đồi thấp ở phía tây nam núi Ngự Bình, mặc dù không thuộc hàng cổ tự nhưng cũng nổi tiếng do vị trí tinh thần của nó trong phong trào chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX, nhất là ảnh hưởng của vị thiền sư khai sơn. Theo Hà Xuân Liêm, thế danh của sư là Hồ Hữu Vĩnh, nhưng chắc không phải, vì Hữu Vĩnh là pháp tự trong bài kệ phó pháp do hòa thượng Diệu Giác đặt cho sư. Sư xuất thân trong một gia đình Phật tử thuần thành, người thôn Trung Kiên, tổng Bích La, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (điều đặc biệt là phần nhiều tăng sĩ tu tập và thành danh ở Huế đều có gốc gác tỉnh Quảng Trị, thậm chí ở các làng thuộc tổng Bích La; hình như một vị xuất gia trước, rồi các vị khác đi theo). Sư đồng chân nhập đạo, năm 13 tuổi vào kinh đô Phú Xuân, lễ hòa thượng Diệu Giác (Đỗ Lương Duyên) chùa Báo Quốc làm thầy (1880), bảy năm sau mới được xuống tóc thụ Sa Di giới (Đình Hới, 1887), pháp danh Thanh Ninh, tự Hữu Vĩnh, hiệu Tâm Tịnh, và cũng bảy năm sau nữa, tại đại giới đàn Báo Quốc, sư được thụ Cụ Túc giới (Giáp Ngọ, 1894), rồi được thầy phó pháp với bài thi kệ:

河清寧謐四方安
有永心心道即閑
心似菩提開慧日
包含世界如是觀

*Hà thanh ninh mật tứ phương an,
Hữu vĩnh tâm tâm đạo tức nhân.
Tâm tựa bờ đề khai tuệ nhật,
Bao hàm thế giới như thị quan.*

Tạm dịch:

Sông trong phẳng lặng bốn phương an,
Tâm mãi truyền tâm đạo ấy nhân.
Tâm tựa bờ đề bừng ánh tuệ,
Gồm trong thế giới rõ vô vàn.⁽¹⁾



Chánh điện chùa Tây Thiên.

Sau đó, vâng lời thầy, sư về chùa Từ Hiếu học tập và hầu hạ hòa thượng trú trì Hải Thiệu Cương Kỷ (1895). Hòa thượng đã già (85 tuổi), nhưng cũng mở một cuộc đại trùng tu, giao cho sư làm tự trưởng và đốc công, cùng với tri sự⁽²⁾ Huệ Minh và các thái giám Bùi Nhuận, Phạm Thường lo liệu công việc. Đầu xuân 1898, hòa thượng Hải Thiệu Cương Kỷ tịch, sư được chúc phó trú trì, nhưng đến năm Nhâm Dần (1902), sư giao chùa cho Huệ Minh rồi vân du hóa đạo, đến ấp Thuận Hòa, xã Dương Xuân Thượng dựng một thảo am gọi là 少林丈室 *Thiếu Lâm trượng thất*, ở yên để nghiên cứu thiền và luật, tu hành theo tinh thần Thanh quy của Bách Trượng Hoài Hải⁽³⁾ 一日不作一日不食 *Nhất nhật bất tác nhất nhật bất thực* (Một ngày không làm là một ngày không ăn); đến mùa đông năm Giáp Thìn (1904), sư mới lập ngôi chùa chính thức, lấy tên 少林寺 *Thiếu Lâm tự* gần ngay phía phải trượng thất, bắt đầu thu đệ tử. Năm Tân Hợi (1911), chùa được mở rộng, thêm tăng xá, đổi gọi là 西天佛宮 *Tây Thiên Phật Cung*, sư cũng đúc tượng Phật A Di Đà, tu hành phối hợp Thiền tông và Tịnh Độ tông. Cũng năm này, Bộ Lễ cấp bằng cho sư về trú trì chùa Diệu Đế, rồi đến năm 1918 thì giữ chức tăng cang thay vị tăng cang cũ vừa

viên tịch (sắc lệnh ngày 10 tháng Ba năm Khải Định 3, nhằm 20/4/1918). Năm Giáp Tý (1924), vua Khải Định đến thăm chùa Tây Thiên, tặng sư một đồng kim tiền và hai trăm đồng bạc Đông Dương, rồi sắc cho mở đại giới đàn tại chùa Từ Hiếu, cử sư làm Đàn đầu hòa thượng. Lúc này, sư đã thu nạp hơn chín chục môn đồ, trong số đó có chín vị xuất sắc, gọi là “cửu Giác” (vì pháp hiệu hàng chữ Giác): Giác Nguyên, Giác Tiên, Giác Viên, Giác Nhiên, Giác Hải, Giác Bồn, Giác Ngạn, Giác Hạnh, Giác Thanh. Hạng tín đồ quy y thì hơn bốn trăm người. Quy mô chùa như hiện nay là do đợt đại trùng tu năm 1926, triều đình cấp kinh phí và tín đồ, Phật tử quyên góp, lấy tên 西天佛宮净舍 *Tây Thiên Phật Cung tịnh xá*, cũng gọi là 西天彌陀寺 *Tây Thiên Di Đà tự*. Sư tịch ngày mùng 6 tháng Ba năm Mậu Thìn (25/4/1928).

Năm 1932, An Nam Phật học hội (tức Hội Phật học Trung Kỳ) mở Phật học đường để đào tạo tăng tài ở đây, hòa thượng Phước Huệ (Bình Định), cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám phụ trách giảng dạy, đến năm 1944 thì dời ra chùa Linh Quang. Hà Xuân Liêm cho biết: “...Năm Nhâm Thân (1932), An Nam Phật học hội được thành lập. Hội đã mở Phật học đại học đường ở chùa Thiên Hưng do ngài Huệ Pháp trú trì, song sau đó lại chuyển về chùa Tây Thiên. Đây là một nét quan trọng thứ hai trong lịch sử chùa Tây Thiên và cũng là một điểm quan trọng trong lịch sử Phật giáo hiện đại của đất Thuận Hóa. Phật học Đại học đường Tây Thiên do hòa thượng Giác Nhiên, lúc này đang trú trì tổ đình Thuyền Tôn làm giám đốc; hòa thượng Phước Huệ Thập Tháp Bình Định ra làm giáo thọ. Hiện nay tại bàn thờ Tổ chùa Tây Thiên có thờ chân dung ngài Phước Huệ, tại phương trượng còn treo một bức ảnh chụp Ban Giảng huấn và tăng sinh của lớp này, trong ảnh người ta thấy có bác sĩ Lê Đình Thám mặc quốc phục đội khăn đóng là một hình ảnh rất đặc biệt, vì lớp Đại học này, ngoài nội điển Kinh, Luật, Luận giảng về Phật pháp, thì các vị tăng sinh còn được học thêm nhiều kiến thức ngoài đời do bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, bác sĩ Trương Xướng và họa sĩ Mai Trang Nguyễn Khoa Toàn là những cư sĩ có nhiệt tâm với Phật giáo đảm trách giảng. Ảnh hưởng và kết quả của Phật học đường Tây Thiên thật lớn, vì nhà trường đã đào tạo cả một thế hệ cao tăng thạc đức cho những năm 1940 trở về sau, đủ để làm cho Phật giáo Thuận Hóa long thịnh và đứng vững trước nhiều cơn bão tố...”⁽⁴⁾

Khuôn viên chùa rộng khoảng 30.000m², chung quanh là đồi núi, cây rừng thâm u. Cổng tam quan rất cao, có biển tên chùa và câu đối. Chung quanh, tháp thoáng nhiều tháp mộ. Bên phải đường từ cổng vào là ba ngôi tháp mộ (tháp ngài Tâm Tịnh, tháp ngài Giác Nguyên và tháp trống). Vườn trồng nhiều cây lưu niên. Các kiến trúc bố trí theo hình chữ 口 khẩu truyền thống. Tiền đường và Đại Hùng Bảo Điện ở giữa, quay hướng nam, kiểu trùng thiềm điệp ốc, giữa hai tầng mái là những ô học viết thơ hoặc minh chữ Hán; nóc đắp hình lưỡng long triều nhật (vòng lửa có chữ Phật), gắn sành sứ. Dãy nhà tăng bên tả, kèm một am nhỏ; nhà khách

và nhà bếp bên hữu. Tòa phương trượng mỗi bề 5m ở đằng sau làm từ năm 1902, đã được trùng tu nhưng không thay đổi vị trí và quy cách, một cây thị tỏa bóng mát rườm rà ở bên trái, tương truyền do chính sư Tâm Tịnh tự tay trồng. Chùa có giá trị lịch sử và văn hóa Phật giáo rất lớn, mặc dù khai sơn muộn. Nội thất trình bày thẩm mỹ, có tranh chân dung sư Tuệ Viễn (Trung Quốc), sư Phước Huệ khá đẹp. Biền 敕賜西天彌陀寺 *Sắc tứ Tây Thiên Di Đà tự* do vua Bảo Đại ban vẫn còn. Khung cảnh cũng thoáng đãng, hài hòa với thiên nhiên. Tháp mộ sư Tâm Tịnh tọa lạc phía trái trước sân chùa, mộ chí khắc dòng chữ 臨濟四十一世妙諦僧剛開山西天寺諱清寧字心淨和尚覺靈貌座 *Lâm Tế tứ thập nhất thế, Diệu Đế tăng cang, khai sơn Tây Thiên tự, húy Thanh Ninh, tự Tâm Tịnh hòa thượng giác linh mạo tọa*. Tháp mộ có bia khắc bài văn thuật lại hành trạng của sư, tác giả là Nguyễn Cao Tiêu (1887- ?), người xã Bản Thủy, tổng Liên Thượng, huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay thuộc xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa); đỗ cử nhân giải nguyên khoa Ất Mão, Duy Tân 9 (1915); đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Mùi, Khải Định 4 (1919); hành trạng không rõ, chỉ biết ông có làm Huân đạo ở huyện Hoằng Hóa (Thanh Hóa).



Tháp mộ hòa thượng Tâm Tịnh chùa Tây Thiên.

Dịch nghĩa:

**Bài minh và bài văn bia tháp mộ hòa thượng
Thanh Ninh Hữu Vĩnh Tâm Tịnh chùa Tây Thiên**

Hòa thượng Tâm Tịnh là đại sư đời thứ bốn mươi một dòng Lâm Tế chính tông. Sư quê quán tại thôn Trung Kiên, tổng Bích La, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng

Tri, họ Hồ,⁽⁵⁾ sinh vào giờ Tý ngày 18 tháng Năm năm Mậu Thìn, Tỵ Đức thứ 21.⁽⁶⁾ Thừa bề, sư bẩm tính hiếu thuận, thường theo cha mẹ đến chùa lễ Phật. Năm Tỵ Đức thứ 33 [1880], sư vào kinh đô Phú Xuân lễ hòa thượng Diệu Giác chùa Báo Quốc làm thầy, bảy giờ tuổi mới 13, đến năm Đinh Hợi, niên hiệu Đồng Khánh [1887] thì xuống tóc. Năm Giáp Ngọ, Thành Thái thứ 6 [1894], hòa thượng Diệu Giác vâng chỉ mở đại giới đàn ở chùa Báo Quốc, bảy giờ sư thụ giới Cụ Túc. Năm ấy, hòa thượng bốn sư ban bài kệ rằng:

Sông trong phẳng lặng bốn phương an,
 Tâm mãi truyền tâm đạo ấy nhân.
 Tâm tựa bồ đề ngồi ánh tuệ,
 Khắp trong thế giới rõ vô vàn.

Năm Ất Mùi, niên hiệu Thành Thái thứ 7 [1895], sư vâng lệnh về chùa Từ Hiếu hầu hạ ngài Yết ma a đồ lê Hải Thiệu hòa thượng. Bảy giờ, chùa Từ Hiếu đang sửa chữa lớn, sư được hòa thượng sai bảo, hết lòng trông coi việc xây dựng cho thêm phần mới mẻ hơn trước. Mùa hè năm Mậu Tuất [1898],⁽⁷⁾ hòa thượng Hải Thiệu viên tịch, sư nối làm trụ chủ chùa Từ Hiếu. Năm Nhâm Thìn, Thành Thái thứ 14 [1902], sư lui về ấp Thuận Hòa xã Dương Xuân, dựng am gọi là Thiếu Lâm trụ sở thất. Sư nghiên cứu sâu thiền học, giáo luật cùng tham khảo Tịnh Độ⁽⁸⁾ làm nhiệm vụ chính. Hàng ngày, sư dạy môn đồ rằng:

Trồng mai trồng trúc qua ngày cũ,
 Gieo đậu gieo dưa hết sớm nay.⁽⁹⁾

Lại rằng:

Thiếu Lâm nấu kỹ nguyệt ba canh,
 Nghe gió rừng thông gãy cổ tranh.
 Một khúc ngâm xong câu chẳng dứt,
 Ruộng hay muôn khoảnh⁽¹⁰⁾ mặc lòng anh.

Nếu trí tuệ chẳng khác thường, sao có được những câu ý nghĩa sâu xa như thế? Mùa đông năm Giáp Thìn [1904], sư đổi am làm chùa Thiếu Lâm. Năm Duy Tân thứ tư [1910], chùa Phước Lâm ở Quảng Nam⁽¹¹⁾ mở đại giới đàn, mời sư làm tôn chứng. Năm Tân Hợi [1911], sư đúc một pho tượng Phật A Di Đà, đổi chùa Thiếu Lâm làm Tây Thiên Phật Cung.⁽¹²⁾ Nhà chùa một phen đổi mới rõ ràng. Năm này, sư được chỉ chuẩn làm trú trì chùa Diệu Đế. Năm Khải Định thứ 3 [1918], sư lại được chỉ chuẩn làm tăng cang. Mùa hè năm Giáp Tý, niên hiệu Khải Định [1924], kính gặp lễ Tứ tuần đại khánh, trước mặt Hoàng thượng, sư được ơn ban một đồng tiền vàng và hai trăm đồng bạc Đông Dương, sắc mở đại giới đàn tại chùa Từ Hiếu, cử sư làm hòa thượng Đường đầu, truyền giới cho không dưới bốn



Bia ghi hành trạng hòa thượng Tâm Tịnh, mặt trước khắc chữ Hán (trái), mặt sau khắc bản dịch tiếng Việt. Đây là tấm bia mới được trùng khắc.

trăm người; đồ đệ nổi pháp có chín mươi bốn người, tứ chúng quy y hơn năm trăm người. Mùa xuân năm Mậu Thìn, niên hiệu Bảo Đại [1928], sư lâm bệnh, đến giờ Thìn ngày mồng 6 tháng Ba [25/4/1928] thì viên tịch, thọ 59 năm tuổi đời, 39 tuổi đạo. Đệ tử dựng tháp phía bên tả chùa, xin ta bài văn thuật lại hành trạng của sư.

Ôi! Niết bàn chân không vốn chẳng sinh chẳng chết; ánh thiêng luôn hiện hữu, sao lại còn dùng chữ nghĩa để lưu truyền? Nhưng chân không chẳng phải là không, chân tướng chẳng phải là tướng, nên cũng đem đến cho người đời sau cái nghĩa “không phô tướng không rời tướng” vậy. Minh rằng:

Núi xanh tuyệt đẹp,
Trắng cũ hợp duyên.
Tuổi thơ vào đạo,
Chí lực tinh chuyên.
Thiếu Lâm trượng thất,
Yên lặng ngời thiền.
Gió thông trăng sáng,
Pháp tướng vẹn tuyền.
Ngôi chùa tượng Phật,
Trang trọng vô biên.

Thiền cùng Tịnh Độ,
 Công khắp mọi miền.
 Giới đàn thể độ,
 Mở rộng chân thuyền.
 Chẳng sinh chẳng diệt,
 Vô lượng vô biên.

Ngày tốt tháng Ba năm Mậu Thìn [1928], thuộc hoàng triều bảo Đại.

Kinh Châu Nguyễn Cao Tiêu, hiệu Mai Tu Tử, đỗ Tam giáp tiến sĩ khoa Kỷ Mùi, chức Tả Thị lang Bộ Hộ, soạn thay.

Môn đồ và tứ chúng cùng kính lập.

Năm 2552 Phật Tổ giáng sinh.

CHÚ THÍCH

- (1) Nguyên văn bài kệ phó pháp này, chúng tôi theo văn bia có đối chiếu với bản chép chép từ *Hàm Long sơn chí*. Hà Xuân Liêm cũng có dẫn trong *Những chùa tháp Phật giáo ở Huế*, nhưng chỉ có phiên âm mà thiếu nguyên văn chữ Hán và sai hai chỗ: “ninh mật” chứ không phải “ninh nhật”, “đạo tức nhàn” chứ không phải “đạo tấn nhàn”. Những bài kệ phó pháp thật ra không cần dịch, vì mục đích của nó là nêu được pháp danh, pháp tự của đệ tử được truyền thừa.
- (2) Tri sự: người trông coi các công việc trong chùa. Nhà chùa, nhất là những chùa lớn tăng chúng đông đảo, thường tổ chức rất chặt chẽ, phân công phân nhiệm chu đáo. Chúng tôi thấy trong *Hàm Long sơn chí*, cuối bài “Ngự Bình sơn Viên Thông tự trí tự điền phổ khuyến văn” có liệt kê những chức danh trong chùa, gồm: trưởng lão, giá viện, thủ tọa, duy na, điển tọa, tri sự, khổ đầu, thư trạng, tạng chủ, tri khách, thị giả, liêu chủ, đường chủ, hương đăng, viên đầu, bát sai, vận thủy, phạn đầu, tịnh đầu, tịnh nhân, chức năng của mỗi người cũng được quy định rõ ràng. Y như một cơ quan nhà nước vậy.
- (3) Bách Trượng Hoài Hải: tức là đại sư Đại Trí, pháp danh Hoài Hải, pháp tự của ngài Mã Tổ Đạo Nhất, dựng chùa tu ở núi Bách Trượng đất Hồng Châu thời Đường, chiêu tập đệ tử, sáng lập ra quy thức ở thiền môn gọi là Thanh quy, hàng năm nhà chùa lấy ngày này làm ngày kỷ niệm, gọi là Bách Trượng kỵ (ngày 17 tháng Giêng). Nhưng sách ghi chép Thanh quy này bị thất truyền, đời sau gọi là Cổ Thanh quy; thời Nguyên, sư Đức Huy vâng chỉ sửa đổi thành tám quyển Sắc tu Bách Trượng thanh quy, hiện còn lưu hành.
- (4) Hà Xuân Liêm, *Những chùa tháp...*, sđd, tr. 469-170.
- (5) Hà Xuân Liêm ghi thể danh là Hồ Hữu Vĩnh, chúng tôi e rằng không phải, vì hai chữ Hữu Vĩnh có trong bài thi kệ truyền pháp thì chắc là pháp tự hay pháp húy, pháp hiệu.
- (6) Dương lịch: tùy theo đầu giờ Tý hay cuối giờ Tý mà đối chiếu Dương lịch nửa đêm ngày 6 hay rạng sáng ngày 7 tháng 7 năm 1868.
- (7) Nguyên bia chép năm Mậu Thìn, chắc nhầm, vì khoảng thời gian này không có năm Mậu Thìn, đúng ra là năm Mậu Tuất. Xem văn bia chùa Từ Hiếu. Vì vậy, chúng tôi xin đính chính.

- (8) Tịnh Độ: một tông phái trong Phật giáo, khác với Thiền tông, còn gọi là Liên tông, tu tập chú trọng vào niềm tin, ước nguyện, hành thiện và trông mong vào sự cứu độ của Phật A Di Đà, chủ yếu niệm sáu tiếng *Nam mô A Di Đà Phật* và quán tưởng đến thế giới Tây Phương Cực Lạc (còn gọi là Cực Lạc quốc) của vị Phật này. Đại sư Tuệ Viễn (336-416) được tôn là sơ tổ của tông phái này ở Trung Quốc.
- (9) Câu thơ này nêu ý chỉ: trồng mai trồng trúc là để giải trí, tạo thú vui qua ngày, một thú vui tao nhã, thường ngoạn thiên nhiên, còn trồng dưa trồng đậu là lao động sản xuất những thứ cần dùng cho đời sống hàng ngày. Đó là: “Có làm thì mới có ăn / Không dưng ai dễ đem phần đến cho”. Một tư tưởng mang tính xã hội cao. Nhà chùa không được ỷ lại vào sự cúng dường của thập phương thí chủ. Hai chữ cuối về sau phải đọc là “tân triều”, nghĩa: sáng sớm mới, tức sáng hôm nay, để đối với “cựu nhật”, ngày cũ, ngày hôm qua. Hà Xuân Liêm đọc “tân triều” và giải thích là dạy dỗ, thế độ cho lớp môn đệ mới: “Vì lo trồng dưa trồng đậu để dẫn dắt những lớp người mới (*Chúng qua chúng đậu độ tân triều*) nên ngài đã đào tạo được 9 cao đệ tử...” (*Những chùa tháp...*, sđd, tr.468).
- (10) Ruộng hay muôn khoảnh: nguyên văn “lượng điền vạn khoảnh”, là thành ngữ các nhà nho chỉ vào chữ nghĩa, sách vở, người đi học “cày xới” ở đây để lập sự nghiệp.
- (11) Chùa Phước Lâm là một cổ tự, do sư Thiệt Dinh Chánh Hiển Ân Triêm (1712-1796) khai sơn vào khoảng giữa thế kỷ XVIII, được trùng tu nhiều lần, trao truyền qua nhiều đời trú trì: Pháp Ấn Tường Quang Quảng Độ (1739-1811), Pháp Kiêm Luật Oai Minh Giác (1746-1830), Toàn Nhâm Vi Ý Quán Thông (1798-1883), Chương Nhẫn Tuyên Hòa Quảng Hóa (1817-1887), Ấn Bản Tổ Nguyên Vĩnh Gia (1840-1918). Hòa thượng Vĩnh Gia trú trì trong thời gian này, đã mở nhiều giới đàn tại chùa, chúng tôi sẽ có dịp giới thiệu nhân vật này.
- (12) Việc đúc tượng A Di Đà và đổi tên chùa là Tây Thiên Phật Cung đã nói lên khuynh hướng của sư là Tịnh Độ tông. Đức A Di Đà còn được gọi là Tây Thiên Cực Lạc pháp vương và cái tên Tây Thiên Phật Cung dễ liên tưởng đến Tây Thiên Cực Lạc quốc của ngài A Di Đà. Tịnh Độ tông là môn phái khá phổ biến trong nhân dân Việt Nam cũng như Nhật Bản, Trung Quốc.

PHỤ LỤC

Nguyên văn:

西天寺清寧有永心淨和尚塔誌銘

心淨和尚者臨濟宗四十一世之大師也師貫廣治省肇豐府碧羅總中堅村姓胡氏生于嗣德二十一年歲次戊辰五月十八日子刻童齡辰稟性孝順常隨父母於寺禮佛嗣德三十

三年入春京投于報國寺妙覺和尚禮足辰年十有三也同慶丁亥剃落越成泰六年甲午妙覺和尚奉旨開大戒壇于報國寺師于時進圓具是年禮和尚嗣法付偈曰

河清寧謐四方安

有永心心道即閑

心似菩提開慧日

包含世界如視觀

成泰乙未年命至慈孝寺伏侍羯摩阿闍梨海紹和尚是時慈孝大興寺師承和尚意悉心瘞紀增貴前規戊辰夏海紹和尚圓寂師繼為慈孝主成泰十四年壬辰退錫於楊春順和邑結菴號曰少林丈室師精究禪教律兼淨土為正務每平日示眾云

栽竹栽梅消舊日
種瓜種豆度新朝

又云

少林深隱月三更
靜聽松風弄古箏
一曲吟成無限句
良田萬頃任君耕

自非智慧逾常安能有此深悟甲辰冬改菴爲少林寺維新四年廣南福林寺大開戒壇請爲尊證辛亥年鑄彌陀佛像一尊改少林寺號曰西天佛宮僧舍燦然一新是年欽蒙旨準爲妙諦寺住持啓定三年旨準爲僧綱啓定甲子夏恭遇四旬大慶奉皇上御前恩賜金錢一面並洋銀二百元敕開大戒壇于慈孝寺推爲傳戒和尚得戒弟子不下四百人嗣法門大有九四四眾皈依者五百餘人於保大戊辰春染病至三月初六日辰時圓寂世壽五十九法臘三十有九法子建塔于寺旁之左而述行狀以徵碑於余夫涅槃真空本無生死靈光常在又安用文字將以傳哉然真空非空真相非相亦將于後人以不著相不離相之義耳乃銘之曰

碧山勝地古月化緣
童齡入道志力精專
少林丈室清淨坐禪
松風梅月法相融圓
佛宮佛像隨在巖然
禪兼淨土功遍諸天
戒壇而度闡發玄詮
不生不滅無量無邊

皇朝保大戊辰春三月吉日

賜己未科三甲戶部左侍郎涇州阮高標梅修子代撰

門徒四眾全拜立

佛祖降生二千五百五十二年

Phiên âm:

Tây Thiên tự Thanh Ninh Hữu Vĩnh Tâm Tịnh hòa thượng tháp chí minh

Tâm Tịnh hòa thượng giả Lâm Tế tông tứ thập nhất thế chi đại sư dã. Sư quán Quảng Trị tỉnh, Triệu Phong phủ, Bích La tổng, Trung Kiên thôn, tính Hồ thị, sinh vu Tự Đức nhị thập nhất niên, tuế thứ Mậu Thìn ngũ nguyệt thập bát nhật, Tý khắc. Đồng linh thời, bẩm tính hiếu thuận, thường tùy phụ mẫu ư tự lễ Phật. Tự Đức tam thập tam niên nhập Xuân kinh, đầu vu Báo Quốc tự Diệu Giác hòa thượng lễ túc. Thời niên thập hữu tam dã. Đồng Khánh Đinh Hợi, thế lạc. Việt Thành Thái lục niên Giáp Ngọ, Diệu Giác hòa thượng phụng chỉ khai đại giới đàn vu Báo Quốc tự. Sư vu thời tiền viên cụ. Thị niên lễ hòa thượng tự pháp, phó kệ vãn:

Hà thanh ninh mật tứ phương an,
Hữu vĩnh tâm tâm đạo tức nhân.
Tâm tự bồ đề khai tuệ nhật,
Bao hàm thế giới như thị quan.



Tấm bia khắc năm 1928,
nay đặt phía sau khu tháp mộ.

Thành Thái Ất Mùi niên, mệnh chí Từ Hiếu tự phục thị Yết ma a đồ lê Hải Thiệu hòa thượng. Thị thời, Từ Hiếu đại hưng tự vũ, sư thừa hòa thượng ý, tất tâm kinh kỹ, tăng bí tiền quy. Mậu Thìn tuế hạ, Hải Thiệu hòa thượng viên tịch, sư kế vị Từ Hiếu chủ. Thành Thái thập tứ niên, Nhâm Thìn, thoát tích ư Dương Xuân Thuận Hòa ấp, kết am hiệu viết Thiếu Lâm trượng thất. Sư tinh cứu thiện giáo luật kiêm Tịnh Độ vi chính vụ. Mỗi bình nhật thị chúng vân:

Tài trúc tài mai tiêu cựu nhật,
Chủng qua chủng đậu độ tân triều.

Hựu vân:

Thiếu Lâm thâm ẩn nguyệt tam canh,
Tĩnh tỉnh tùng phong lộng cổ tranh.
Nhất khúc ngâm thành vô hạn cú,
Lương điền vạn khoảnh nhiệm quân canh.

Tự phi trí tuệ du thường, an năng hữu thử thâm ngộ? Giáp Thìn đồng, cải am vi Thiếu Lâm tự. Duy Tân tứ niên, Quảng Nam Phúc Lâm tự đại khai giới đàn, thỉnh vi tôn chứng. Tân Hợi niên, chú Di Đà Phật tượng nhất tôn, cải Thiếu Lâm tự hiệu viết Tây Thiên Phật Cung, tăng ốc xá nhiên nhất tân. Thị niên, khâm mộng chỉ chuẩn vi Diệu Đế tự trú trì. Khải Định tam niên, chỉ chuẩn vi tăng cang. Khải Định Giáp Tý hạ, cung ngộ Tứ tuần đại khánh, phụng hoàng thượng ngự tiền ân tứ kim tiền nhất diện tịnh dương ngân nhị bách nguyên; sắc khai đại giới đàn vu Từ Hiếu tự, suy vi truyền giới hòa thượng. Đắc giới đệ tử bát hạ tứ bách nhân, tự pháp môn đại hữu cứu tử, tứ chúng quy y giả ngũ bách dư nhân. Ư Bảo Đại Mậu Thìn xuân, nhiễm bệnh, chí tam nguyệt sơ lục nhật Thìn thời viên tịch, thể thọ ngũ thập cửu, pháp lập tam thập hữu cửu; pháp tử kiến tháp vu tự bằng chi tả, nhi thuật hành trạng dĩ trưng bi ư dư. Phù! Niết bàn chân không, bản vô sinh tử; Linh Quang thường tại, hựu an dụng văn tự tương dĩ truyền tại? Nhiên chân không phi không, chân tướng phi tướng; diệc tương vu hậu nhân dĩ bất trừ tướng bất ly tướng chi nghĩa nhĩ. Nãi minh viết:

Bích sơn thắng địa, cổ nguyệt hóa duyên.
Đồng linh nhập đạo, chí lực tinh chuyên.
Thiếu Lâm trượng thất, thanh tịnh tọa thiền.
Tùng phong mai nguyệt, pháp tướng dung viên.
Phật cung Phật tượng, tùy tại nghi nhiên.
Thiền kiêm tịnh độ, công biến chư thiên.
Giới đàn nhi độ, xiển phát huyền thuyền.
Bất sinh bất diệt, vô lượng vô biên.

Hoàng triều Bảo Đại Mậu Thìn xuân tam nguyệt cát nhật.

Tứ Kỳ Mùi khoa Tam giáp, Hộ Bộ Tả Thị lang Kinh Châu Nguyễn Cao Tiêu, Mai Tu Tử đại soạn.

Môn đồ tứ chúng đồng bái lập.

Phật tổ giáng sinh nhị thiên ngũ bách ngũ thập nhị niên.